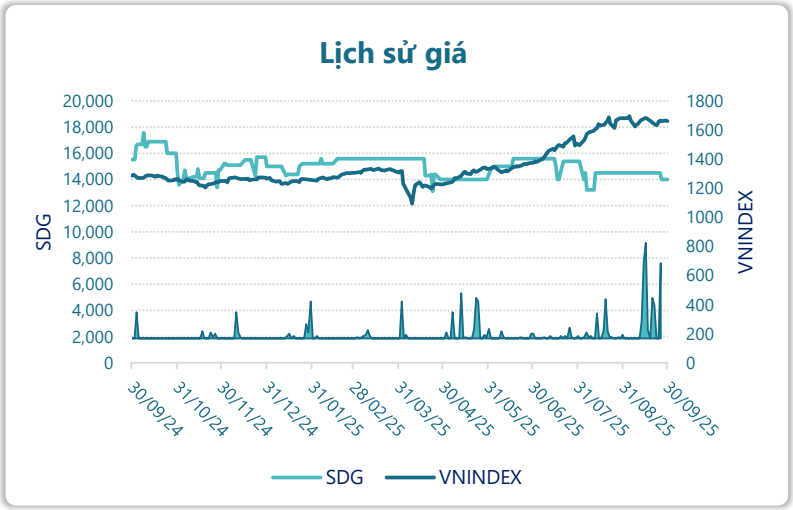
FireAnt

CTCP Sadico Cần Thơ (HNX: SDG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,570
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
SL cổ phiếu LH	10,139,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
P/E	-4.8
EPS	-2,927

DT thuần

Q3/25

189

tỷ VNĐ

QoQ: ▼105| -35.8%

YoY: ▼106| -36.0%

LN sau thuế

Q3/25

-47.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼52.1| -1015%

YoY: ▼55.5| -654%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-22.6%

+/- YoY: ▼ 27.1%

DT thuần

9T 2025

739

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.0| -3.3%

LN sau thuế

9T 2025

-39.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.70| -20.1%

ROE

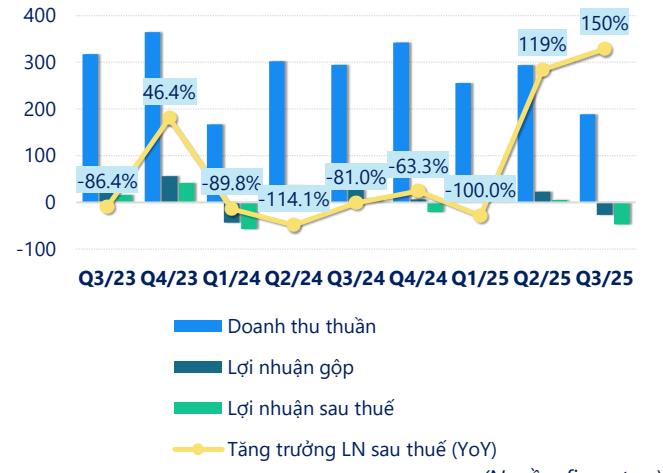
Q3/25

-9.6%

+/- YoY: ▼ 10.4%

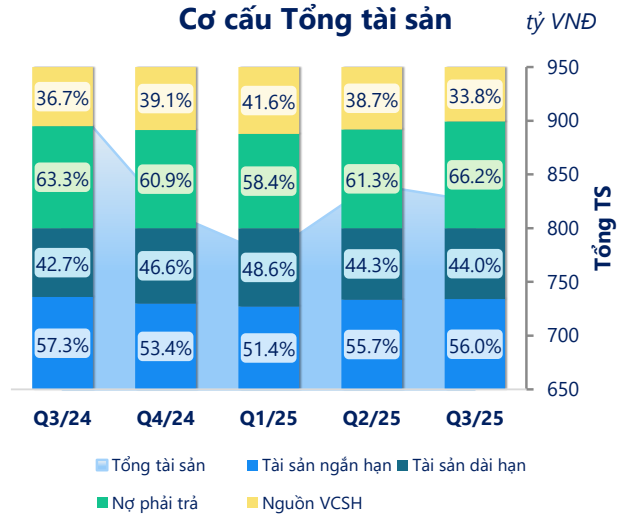
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



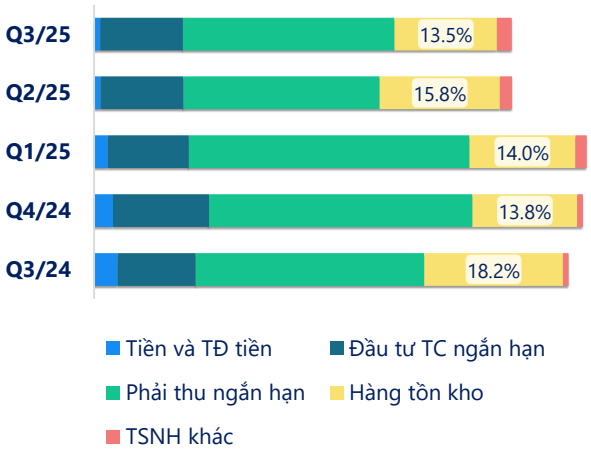
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



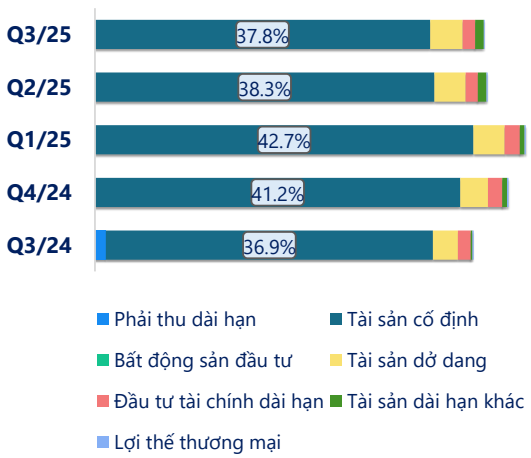
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



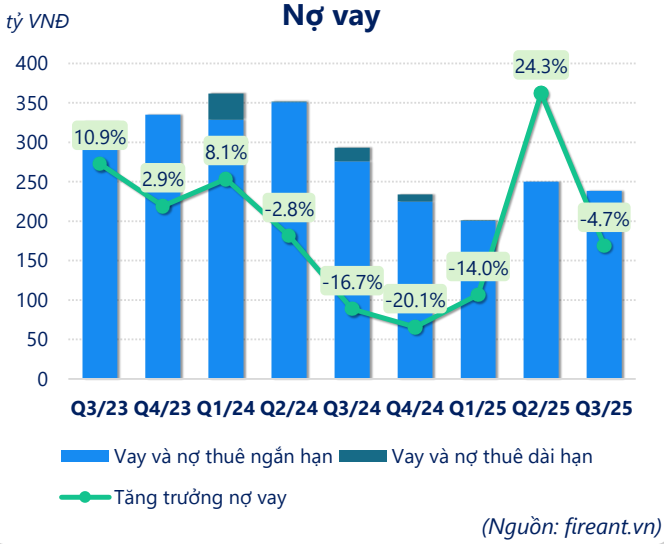
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



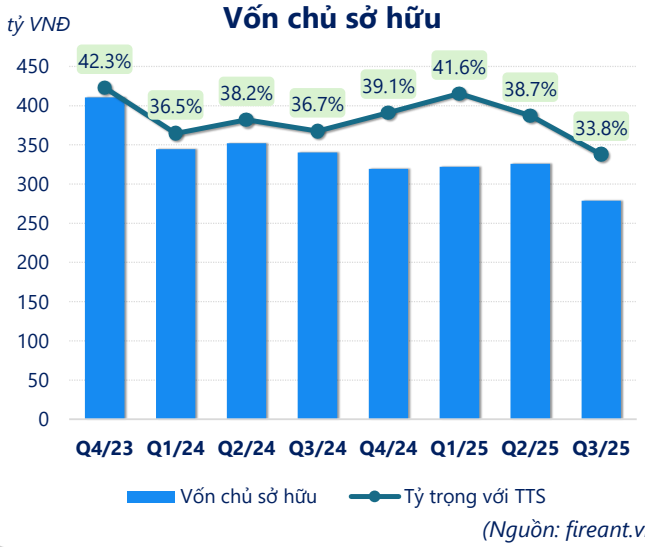
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



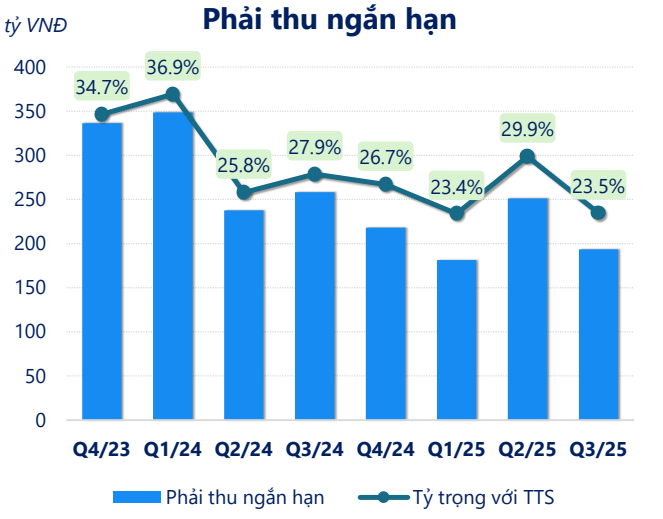
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



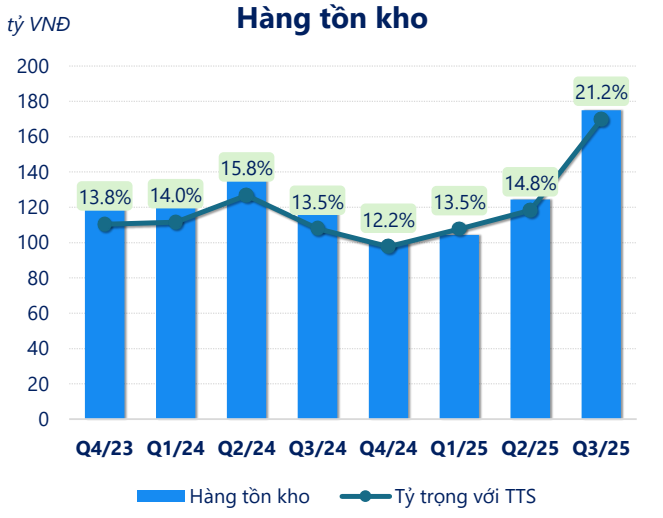
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



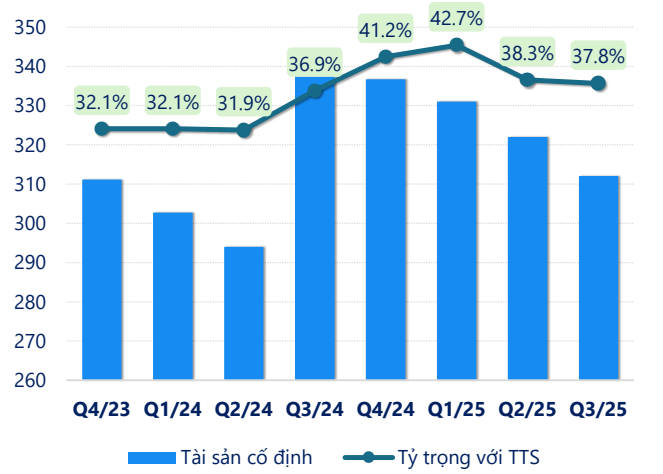
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



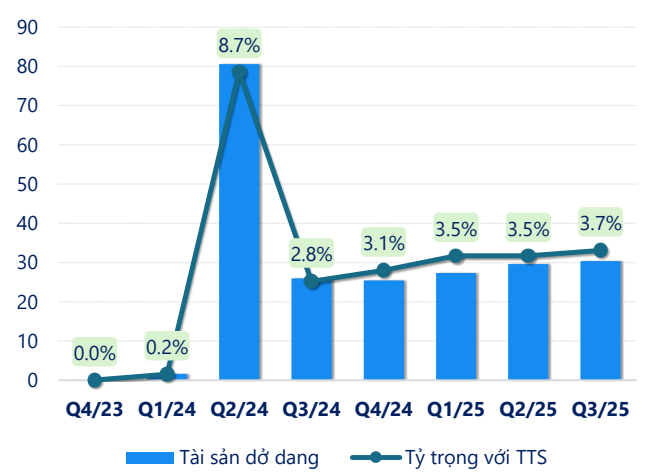
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



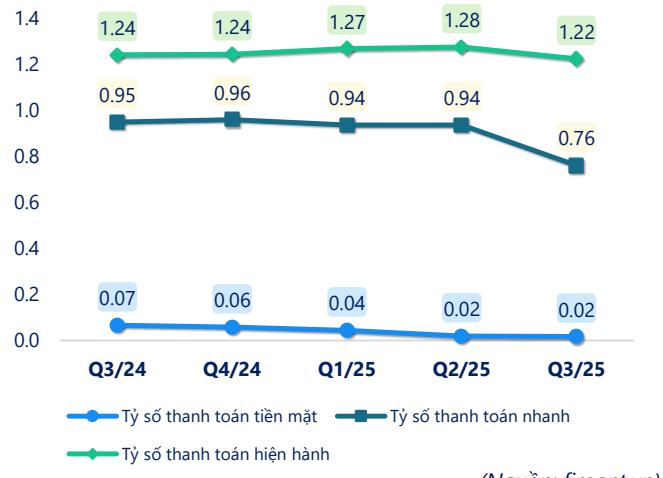
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



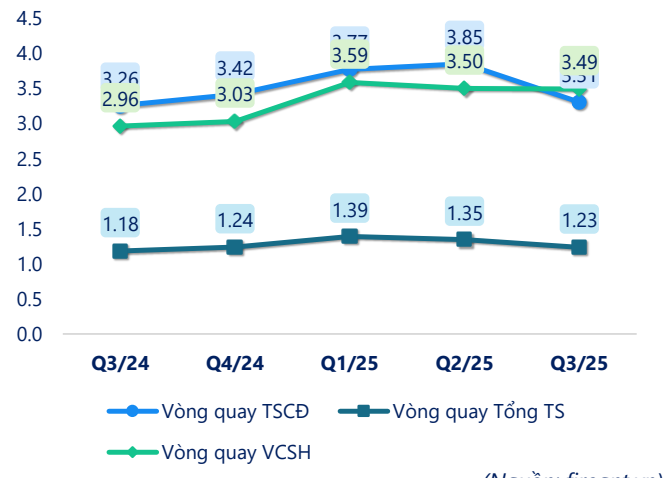
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**926**	**817**	**775**	**841**	**825**
Tài sản ngắn hạn	**530**	**436**	**398**	**468**	**462**
Tiền và tương đương tiền	28.3	20.2	13.9	7.01	6.55
Đầu tư tài chính ngắn hạn	101	76.0	76.0	72.5	72.7
Phải thu ngắn hạn	258	218	181	251	194
Hàng tồn kho	125	99.7	104	124	175
Tài sản ngắn hạn khác	18.0	21.7	22.7	13.0	14.4
Tài sản dài hạn	**396**	**381**	**377**	**373**	**363**
Phải thu dài hạn	11.3	0	0	0	0
Tài sản cố định	342	337	331	322	312
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.9	25.4	27.3	29.6	30.4
Đầu tư tài chính dài hạn	13.3	13.2	13.2	11.6	11.6
Tài sản dài hạn khác	1.90	4.27	4.19	8.21	7.88
Lợi thế thương mại	1.40	1.30	1.21	1.11	1.02
Nợ phải trả	**586**	**497**	**453**	**515**	**547**
Nợ ngắn hạn	**427**	**350**	**314**	**367**	**377**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	276	225	200	250	239
Phải trả người bán ngắn hạn	83.1	67.3	67.0	71.3	71.6
Nợ dài hạn	159	147	139	148	169
Vay và nợ thuê dài hạn	17.2	9.10	0.81	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**340**	**319**	**322**	**326**	**279**
Vốn chủ sở hữu	**340**	**319**	**322**	**326**	**279**
Vốn điều lệ	101	101	101	101	101
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)